

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2024/HS-PT

Ngày: 23 - 01 -2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:

Ông Trương Công Thi

Các thẩm phán:

Ông Nguyễn Cường

Bà Trần Thị Kim Liên

- *Thư ký phiên tòa*: Ông **Phạm văn Phong**, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Thanh**, Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 563/2023/TLPT-HS ngày 01 tháng 11 năm 2023 đối với bị cáo Trương Quang T về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2023/HS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Bị cáo bị kháng cáo

Trương Quang T, sinh ngày: 19/02/1990 tại tỉnh Quảng Ngãi; nơi cư trú: Tổ dân phố T, Phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Quang T1 và bà Phạm Thị L; vợ: Lê Nguyễn Tường V; con: Có 02 con, sinh năm 2015 và 2018; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/5/2023 đến nay, hiện đang tạm giam, có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo*: Ông Trần Văn H – Luật sư Công ty L1, thuộc Đoàn luật sư thành phố Đ, bào chữa theo yêu cầu. Địa chỉ: B H, quận T, thành phố Đà Nẵng, có mặt

- *Bị hại*: Ông Nguyễn Hùng A, sinh năm: 1991; trú tại: Tổ dân phố T, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại*:

+ Ông Nguyễn T2 – Luật sư Văn phòng luật sư Phúc An K, thuộc Đoàn luật sư tỉnh Q. Địa chỉ: D V, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

+ Ông Thái Quốc V1 và ông Phạm Văn N, Đoàn luật sư thành phố Đ; địa chỉ: B H, phường H, quận T, thành phố Đà Nẵng, có mặt

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Bùi Thị Kim C, sinh năm: 1965. Trú tại: Tổ dân phố T, phường T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

+ Ông Trần Văn Q, sinh năm: 1979. Trú tại: Thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

+ Ông Trương Quang T1, sinh năm: 1958. Trú tại: Tổ dân phố T Đ, Phường T, thành phố Q, Quảng Ngãi, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm, nội dung vụ án được xác định như sau:

Nguyễn Hùng A là người quản lý, điều hành tiệm cầm đồ Hưng M do bà Bùi Thị Kim C là mẹ ruột của Anh làm chủ. Vào khoảng giữa năm 2021, Trương Quang T là bạn bè cùng xóm với A, đến tiệm C1 thế chấp cho Anh một hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa T với Công ty Cổ phần Đ đối với thửa đất số 943, tờ bản đồ số 14 tại xã T, thành phố Q và vay số tiền 1.500.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận lãi suất là 8%/tháng. Sau đó T tiếp tục vay thêm Nguyễn Hùng A số tiền 250.000.000 đồng và 200.000.000 đồng, mỗi lần vay tiền T đều viết giấy vay tiền. Đến ngày 21/5/2021 T tiếp tục thế chấp cho Nguyễn Hùng A một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cha ruột T là ông Trương Quang T1 để vay số tiền 1.000.000.000 đồng. Sau khi nhận tiền thì Nguyễn Hùng A viết nội dung T mượn số tiền 2.950.000.000 đồng vào Hợp đồng vay tiền do Nguyễn Hùng A soạn thảo sẵn rồi T ký dưới bên vay tiền. Đến ngày 26/5/2021 vợ chồng T đến gặp Nguyễn Hùng A mượn lại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 943, tờ bản đồ số 14 tại xã T, thành phố Q mà T đã thế chấp để làm thủ tục cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hứa sau khi làm xong sẽ đưa lại sổ đỏ cho Nguyễn Hùng A giữ. Nguyễn Hùng A đã đồng ý đưa lại Hợp đồng chuyển nhượng cho vợ chồng T, khi nhận lại Hợp đồng thì vợ chồng T có viết giấy cam kết nội dung thể hiện: “Ngày 26/5/2021 tôi có mượn lại quyền sử dụng thửa đất chuyển nhượng của tiệm cầm đồ Hưng M, thửa đất số 943, tờ bản đồ số 14...tôi cam đoan khi có sổ đỏ tôi sẽ đem lên gửi lại” có chữ ký mang tên 02 vợ chồng Trương Quang T và Lê Nguyễn Tường V2. Sau khi mượn lại Hợp đồng chuyển nhượng thì T đã chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Trần Văn Q để cân trừ số nợ 1.300.000.000 đồng mà T mượn của ông Q trước đó. Trong thời gian này thì ông Trương Quang T1 có đến trả cho ông Nguyễn Hùng A số tiền 1.000.000.000 đồng và lấy lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông T1. Khoảng một tháng sau T vẫn chưa gửi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà T đã cam kết vào ngày 26/5/2021 nên Nguyễn Hùng A yêu cầu T viết vào Hợp đồng vay tiền để chốt lại số tiền, nên ngày 10/7/2021 T đã viết vào

Hợp đồng vay tiền thể hiện có vay của bà Bùi Thị Kim C - chủ tiệm cầm đồ Hưng M với số tiền 2.050.000.000 đồng (thực tế số tiền này gồm 1.950.000.000 đồng tiền gốc và 100.000.000 đồng tiền lãi của thời gian vay từ ngày 26/5/2021 đến ngày 10/7/2021) và T tiếp tục hẹn 02 tháng sau sẽ gửi lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hùng A. Sau đó Nguyễn Hùng A phát hiện T đã chuyển nhượng thửa đất số 943 tờ bản đồ số 14 tại xã T, thành phố Q cho người khác nên Nguyễn Hùng A yêu cầu T trả tiền thì T hứa sẽ chuyển nhượng ngôi nhà đứng tên T tại thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 8 tại Phường T, thành phố Q cho Nguyễn Hùng A, ngày 18/9/2021 T đã viết hợp đồng bán nhà, với nội dung thể hiện: “Trương Quang T đồng ý bán cho Nguyễn Hùng A căn nhà tại tổ dân phố T, Phường T, thành phố Q với giá 2.400.000.000 đồng, đã nhận 2.050.000.000 đồng, trong thời hạn 3 tháng T sẽ giao sổ đỏ cho ông A”, có ông Ngô Thành P làm chứng (Tại thời điểm này căn nhà T đã thế chấp vay tiền tại Ngân hàng thương mại cổ phần N1 Chi nhánh D), nhưng sau đó T không thực hiện việc chuyển nhượng ngôi nhà cho ông Nguyễn Hùng A như đã cam kết, đến ngày 18/4/2022 vợ chồng T đã chuyển nhượng ngôi nhà trên cho chị ruột của T. Sau đó T vẫn không trả tiền và bỏ đi khỏi địa phương nên Nguyễn Hùng A đã gửi đơn tố giác T có hành vi chiếm đoạt số tiền 2.050.000.000 đồng.

Tại kết luận giám định số 1023/KL-KTHS, ngày 11/11/2022 của Phòng K1 Công an tỉnh kết luận:

+ Các chữ ký và chữ viết ghi họ tên “Trương Quang T” trên 03 (ba) tài liệu cần giám định có đầu đề: “HỢP ĐỒNG VAY TIỀN” đề ngày 10/7/2021, “GIẤY CAM KẾT” đề ngày 26/05/2021 và “Hợp đồng bán nhà” đề ngày 18/9/2021 (ký hiệu A1, A2, A3) với chữ ký và chữ viết ghi họ tên Trương Quang T dưới cột mục “Bên A” và các chữ ký ở vị trí thứ hai, tính từ trái sang phải các trang 1, trang 2, trang 3 trên tài liệu mẫu so sánh “HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT” được Văn phòng C2 công chứng đề ngày 04/6/2021 “ký hiệu M” là do cùng một người ký, viết ra.

+ Chữ viết và chữ ký ghi họ tên “Lê Nguyễn Tường V2” trên tài liệu cần giám định có đầu đề: “GIẤY CAM KẾT” đề ngày 26/05/2021 (ký hiệu A2) với chữ ký, chữ viết ghi họ tên Lê Nguyễn Tường V2 dưới cột mục “Bên A” và các chữ ký ở vị trí thứ nhất, tính từ trái sang phải các trang 1, trang 2, trang 3 trên tài liệu mẫu so sánh “HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT” được Văn phòng C2 công chứng đề ngày 04/6/2021 (ký hiệu M) là do cùng một người ký, viết ra.

Qua thu thập tài liệu tại Văn phòng Đ1 Chi nhánh thành phố Q, xác định: Ngày 08/4/2021 giữa Công ty cổ phần Đ và Trương Quang T có ký kết Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 04/2021/HĐCN đối với thửa đất số 943, tờ bản đồ số 14 tại xã T, thành phố Q thuộc lô đất ký hiệu BT1.05-15, giá trị thửa đất là 2.443.550.000 đồng (Hợp đồng này do Công ty cổ phần Đ lập vào thời điểm ký hợp đồng T chưa thanh toán đủ số tiền, chỉ mới thanh toán đợt 1 với số tiền 1.500.000.000 đồng). Ngày 27/5/2021, Công ty cổ phần Đ đã chuyển nhượng thửa đất trên cho T theo Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại Văn phòng C2 (T đã thanh toán đủ số tiền). Ngày 31/5/2021 T được Sở Tài Nguyên và

Môi trường tỉnh Q cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ngày 04/6/2021, vợ chồng T đã chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Trần Văn Q, sinh năm 1979, trú tại Phường T, thành phố Q. Hiện nay thửa đất này ông Q đã chuyển nhượng cho người khác.

Đối với thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 8 tại Phường T, thành phố Q (Thửa đất có nhà ở gắn liền mà T đã cam kết bán cho ông Nguyễn Hùng A vào ngày 18/9/2021): Vào ngày 18/4/2022 vợ chồng T đã chuyển nhượng thửa đất trên cho bà Trương Thị Bích T3, sinh năm 1980, trú tại Phường T, thành phố Q (Chị ruột của T).

Từ những nội dung đã được xác định nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 72/2023/HS-ST ngày 18/9/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trương Quang T phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

- Áp dụng: Khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trương Quang T 12 (Mười hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam (Ngày 11/5/2023)

2. Về dân sự: Buộc bị cáo phải trả cho ông Nguyễn Hùng A số tiền 1.950.000.000 đồng. Gia đình bị cáo đã nộp số tiền 40.000.000 đồng để trả cho ông Nguyễn Hùng A. Do đó, bị cáo còn phải tiếp tục trả cho ông Nguyễn Hùng A số tiền 1.910.000.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về phần xử lý vật chứng, án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định ngày 28/9/2023, bị cáo Trương Quang T có đơn kháng cáo kêu oan.

Ngày 02/10/2023, bị cáo Trương Quang T có đơn kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm, lý do kháng cáo bị cáo cho rằng quan hệ vay mượn, nợ nần giữa bị cáo với bị hại ông Nguyễn Hùng A là quan hệ dân sự, hành vi của bị cáo không phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo xin thay đổi nội dung kháng cáo, khai báo về hành vi phạm tội như Bản án sơ thẩm đã quy kết và xin giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Ngày 30/9/2023, ông Nguyễn Hùng A là bị hại có đơn kháng cáo, lý do kháng cáo, ông A cho rằng vụ án có bỏ lọt tội phạm, xét xử chưa khách quan, triệt để vụ án, yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm, tại phiên tòa phúc thẩm ông Nguyễn Hùng A xin thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo, không yêu cầu hủy Bản án sơ thẩm, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét tính lãi suất đối với số tiền 1.950.000.000 đồng từ ngày bị cáo vay mượn cho đến ngày Cơ quan điều tra Công an tỉnh Q khởi tố vụ án, đồng thời yêu cầu tiến hành kê biên nhà đất tại thửa đất 1040, tờ bản đồ số 8, phường Q, tp Q vì vợ chồng bị cáo đã cam kết chuyển nhượng để cản trở nợ cho bị hại nhưng bị cáo và vợ là Lê Nguyễn Tường V2 đã chuyển nhượng cho em gái là người nhà, giá trị rất thấp, không ngay tình nhằm tẩu tán tài sản, trốn tránh việc trả nợ đối với bị hại.

Kiểm sát viên của Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa phát biểu quan điểm đối với vụ án như sau:

- Về tố tụng, Hội đồng xét xử, những người tiến hành và tham gia tố tụng khác đã thực hiện và tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; Việc bị cáo và bị hại xin thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo nhưng không vượt phạm vi kháng cáo ban đầu, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung, sau khi phân tích nội dung vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận việc bị cáo, bị hại thay đổi nội dung kháng cáo, chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Trương Quang T và không chấp nhận kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Hùng A, sửa Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Trương Quang T.

Luật sư bào chữa cho bị cáo Trương Quang T trình bày lời bào chữa cho bị cáo có nội dung tóm tắt như sau: Giữa bị cáo và bị hại có mối quan hệ làm ăn, vay mượn từ trước, đã vay, trả nhiều lần và có sự tin tưởng lẫn nhau, tại phiên tòa hôm nay bị cáo nhận tội, nộp 100.000.000 đồng để khắc phục hậu quả là những tình tiết giảm nhẹ mới tại giai đoạn phúc thẩm được quy định tại điểm b, s Điều 51 Bộ luật hình sự, nhân thân bị cáo tốt, do vậy Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, xử dưới khung hình phạt hình phạt đối với bị cáo.

Những người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại, ông Nguyễn Hùng A, trình bày luận cứ bảo vệ có nội dung tóm tắt như sau: bà Lê Nguyễn Tường V2 là biết rõ và có hành vi giúp sức cho bị cáo T chiếm đoạt tài sản của bị hại, các cơ quan tiến hành tố tụng không khởi tố, cũng không đưa bà V2 vào tham gia tố tụng trong vụ án là vi phạm tố tụng và có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm, tuy nhiên, yêu cầu cơ bản là việc khắc phục hậu quả và xác định tiền lãi suất theo quy định của pháp luật nhằm làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bị hại, do vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hùng A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

- Kháng cáo của bị cáo Trương Quang T và bị hại ông Nguyễn Hùng A trong thời hạn luật định, tại phiên tòa hôm nay bị cáo và bị hại xin thay đổi, bổ sung nội dung kháng cáo nhưng không vượt phạm vi kháng cáo ban đầu do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận và xem xét theo thủ tục phúc thẩm đối với vụ án.

- Tại phiên tòa phúc thẩm có một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt mà không có lý do chính đáng. Xét thấy, việc vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự quyết định xét xử.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Xem xét kháng cáo của bị cáo Trương Quang T, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về hành vi phạm tội: Vào khoảng giữa năm 2021, bị cáo Trương Quang T có vay của ông Nguyễn Hùng A số tiền là 1.950.000.000 đồng. Khi vay tiền, bị cáo Trương Quang T thế chấp cho ông Nguyễn Hùng A Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng thửa đất số 943, tờ bản đồ số 14 tại xã T, thành phố Q giữa bị cáo với Công ty cổ phần Đ để ông Nguyễn Hùng A tin tưởng cho bị cáo vay tiền. Đến ngày 26/5/2021 vợ chồng bị cáo Trương Quang T đến gặp ông Nguyễn Hùng A xin mượn lại Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nêu trên để làm thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và hứa sau khi làm xong sẽ đưa lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hùng A giữ, bị cáo T và bà V2 (vợ bị cáo T) có viết giấy mượn. Tuy nhiên, sau khi có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bị cáo đã chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Trần Văn Q để cản trở nợ. Khi ông Nguyễn Hùng A phát hiện và yêu cầu bị cáo trả tiền thì bị cáo cam kết và viết Hợp đồng chuyển nhượng ngôi nhà đứng tên bị cáo tại thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 8 tại phường T, thành phố Q cho ông Nguyễn Hùng A, nhưng đến ngày 18/9/2021 bị cáo ký Hợp đồng bán nhà đất nói trên cho bà Trương Thị Bích T3 là chị ruột của bị cáo, không thực hiện việc chuyển nhượng ngôi nhà cho ông A như đã cam kết mà tiếp tục chuyển nhượng ngôi nhà trên cho bà Trương Thị Bích T3 là chị ruột của bị cáo.

Với nội dung như trên cho thấy ông Nguyễn Hùng A đã cho bị cáo vay mượn một số tiền tương đối lớn, tiền gốc gần 02 tỷ đồng, có cầm cố thủ tục Hợp đồng nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để làm tin trước khi cho vay, sau khi đã nhận được tiền, bị cáo cùng vợ đã mượn lại giấy tờ đã cầm cố để về xin cấp GCNQSDĐ rồi bán cho người khác, sau khi ông A phát hiện, một lần nữa, bị cáo lại viết giấy bán nhà của mình sở hữu để trả nợ, nhưng sau đó lại bán nhà cho bà T3 là chị ruột của bị cáo, để không còn khả năng trả nợ, nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền vay mượn của ông A, những hành vi nêu trên của bị cáo thể hiện nhiều lần bội tín, sau khi nhận được tiền từ ông A, bị cáo đã thực hiện không đúng các cam kết với ông A, có nhiều hành vi gian dối, tẩu tán các tài sản đã cam kết, không trả nợ cho ông A để chiếm đoạt tiền của ông A, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Trương Quang T về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” theo quy định tại khoản 4 Điều 175 Bộ luật hình sự là có căn cứ pháp luật.

Tại giai đoạn sơ thẩm, bị cáo đã khai nhận về hành vi như đã nêu trên nhưng nhận thức cho rằng bị cáo không phạm tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Tuy nhiên tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo nhận tội và xin giảm nhẹ hình phạt, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo có quá trình nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, giữa bị cáo và bị hại đã vay trả nhiều lần và có sự tin tưởng lẫn nhau, tại phiên tòa hôm nay bị cáo nhận tội, nộp 100.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, xét đây là những tình tiết giảm nhẹ mới tại giai đoạn phúc thẩm, do vậy, Hội đồng xét xử, chấp nhận kháng cáo của bị cáo và đề nghị của Kiểm sát viên và của người bào chữa, áp dụng thêm điểm b, s Điều 51; Điều 54 Bộ luật hình sự, xử dưới mức thấp nhất của khung hình phạt hình phạt đối với bị cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

[2.2] Xem xét kháng cáo của bị hại ông Nguyễn Hùng A, xét thấy:

Về trách nhiệm dân sự tại Bản án sơ thẩm đã buộc về trách nhiệm dân sự đối với số tiền bị cáo chiếm đoạt là 1.950.000.000 đồng. Gia đình bị cáo đã nộp số tiền 40.000.000 đồng, số tiền còn phải tiếp tục trả cho ông Nguyễn Hùng A số tiền 1.910.000.000 đồng, nay tại phiên tòa phúc thẩm gia đình bị cáo có nộp số tiền 100.000.000 đồng để khắc phục hậu quả, sẽ được đối trừ khi thi hành án đối với phần dân sự trong Bản án hình sự sơ thẩm.

Xem xét nội dung kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét tính lãi suất đối với số tiền 1.950.000.000 đồng từ ngày bị cáo vay mượn cho đến ngày Cơ quan điều tra Công an tỉnh Q khởi tố vụ án và trách nhiệm dân sự có liên quan trong vụ án đối với bà Lê Nguyễn Tường V2, xét thấy: Theo diễn biến vụ án và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy bà Lê Nguyễn Tường V2, là vợ của bị cáo Trương Quang T có liên quan trong vụ án, cụ thể bà Lê Nguyễn Tường V2 đã ký vào “*GIẤY CAM KẾT*” đề ngày 26/05/2021 và “*HỢP ĐỒNG CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT*” được Văn phòng C2 công chứng đề ngày 04/6/2021, đã tham gia nhận và trả tiền liên quan đến hành vi phạm tội của bị cáo Trương Quang T, nhưng các cơ quan tiến hành tố tụng không đưa bà V2 vào tham gia với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ trong vụ án để xem xét giải quyết phần trách nhiệm dân sự là có vi phạm tố tụng, tuy nhiên, do tại giai đoạn sơ thẩm chưa xem xét, giải quyết các quan hệ dân sự tiền lãi suất nêu trên và việc mua bán, chuyển nhượng nhà đất tại thửa đất số 1040, tờ bản đồ số 8 tại phường T, thành phố Q nên Tòa án cấp phúc thẩm không thể xem xét, tính chất giao dịch dân sự có ngay tình hay không, xác định được tiền lãi suất trước đó trong vụ án này, do vậy, những nội dung kháng cáo của bị hại có thể giải quyết bằng một quan hệ theo tố tụng dân sự nếu có yêu cầu. Hội đồng xét xử không thể xem xét trong vụ án này được.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo về việc xin giảm nhẹ hình phạt và không chấp nhận kháng cáo của bị hại về việc yêu cầu giải quyết các yêu cầu liên quan trách nhiệm dân sự cùng trong vụ án này, trường hợp có yêu cầu, ông Nguyễn Hùng A tiến hành khởi kiện bằng vụ án theo thủ tục tố tụng dân sự để được xem xét, Hội đồng xét xử sửa Quyết định của Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Trương Quang T.

[3] Về xử lý vật chứng; án phí hình sự, dân sự sơ thẩm; không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí phúc thẩm: Do chấp nhận kháng cáo nên Bị cáo Trương Quang T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356 và Điều 357 Bộ Luật tố tụng hình sự, chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trương Quang T, sửa Quyết định của Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo Trương Quang T; không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Hùng A, trường hợp có yêu cầu, ông Nguyễn Hùng A tiến hành khởi kiện bằng vụ án theo thủ tục tố tụng dân sự, giữ nguyên Quyết định về phần trách nhiệm dân sự tại Bản án hình sự sơ thẩm.

1/. Áp dụng: Khoản 4 Điều 175; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Trương Quang T 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”. Thời hạn phạt tù tính từ ngày 11/5/2023.

2. Về dân sự: Buộc bị cáo phải trả cho ông Nguyễn Hùng A số tiền 1.910.000.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, người phải thi hành án chậm thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án khoản tiền lãi suất theo qui định tại Điều 357 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với khoản tiền và thời gian chậm thi hành án, cho đến khi thi hành xong bản án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7A và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3/. Về án phí phúc thẩm: Căn cứ Điều 23; Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Trương Quang T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4/. Về xử lý tiền bồi thường dân sự đã nộp:

Tiếp tục tạm giữ số tiền 140.000.000 đồng do gia đình bị cáo đã nộp tại Cơ quan thi hành án để đảm bảo thi hành án.

(Theo Biên lai thu tiền số 0003936 ngày 28/8/2023; Biên lai thu tiền số 0003938 ngày 29/8/2023 và Biên lai thu tiền số 0000530 ngày 17/01/2014 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi, để đối trừ khi thi hành án).

5/. Về xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm; không có kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSĐT-Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Phòng HSNV- Công an tỉnh Quảng Ngãi;
- Cơ quan CSTHAHS-CA tỉnh Quảng Ngãi;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Công Thi